

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TÂN CHÂU
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2021/HNGĐ-ST

Ngày 09 tháng 4 năm 2021

“V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN CHÂU, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hữu Dầm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Thi Thị Tuyết Nhung;

2. Ông Nguyễn Hoàng Tam.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Minh Sang – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Linh – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 482/2020/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2020 về “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 02 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 49/2021/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thùy D, sinh năm 1988; Nơi cư trú: Tổ 1, ấp Hòa Thạnh, xã Châu Phong, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang;

- Bị đơn: Anh Tống Quốc T, sinh năm 1983; Nơi cư trú: Tổ 01, ấp Vĩnh Lợi 2, xã Châu Phong, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

Chị D có mặt tại phiên tòa; Anh T vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thùy D trình bày: Chị D và anh T thông qua mai mối, được cha mẹ hai bên đồng ý tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn số 110/2011, ngày 25/5/2011 tại UBND xã Châu Phong, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang. Vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 9/2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, anh Trung cờ bạc, nợ nần nhiều, vợ

chồng đã không còn chung sống khoảng hơn hai năm nay. Gia đình hai bên có đứng ra hàn gắn nhưng không thành. Nay tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị D yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, chị D và anh T có 01 (một) con chung tên Tổng Bảo T, sinh ngày 17/4/2012. Hiện cháu T đang sống cùng chị D. Khi ly hôn, chị D yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu T và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án số 775/TB-TLVA ngày 15/12/2020 cho anh Tổng Quốc T thông qua người thân là ông Tổng Ngọc Đ (cha ruột anh T) nhận thay và ông Đ xác nhận có thông tin cho anh T biết về việc chị Nguyễn Thị Thùy D khởi kiện ly hôn với anh T tại Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang nhưng đến nay Tòa án không nhận được văn bản ý kiến của anh T đối với yêu cầu của chị D và các tài liệu chứng cứ kèm theo (nếu có) của anh T gửi cho Tòa án.

Tòa án đã ra thông báo mở phiên họp giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh T vắng mặt theo các lần triệu tập của Tòa án nên Tòa án không tiến hành mở phiên họp giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải về tình cảm, con chung được. Ngày 19/3/2021, Tòa án ban hành Thông báo số 85/TB-TA về việc công khai tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập cho anh Tổng Quốc T được biết thông qua việc tổng đạt cho người thân nhận thay (ông Tổng Ngọc Đ) là cha ruột anh T nhưng anh T không gửi văn bản ghi ý kiến của anh T cho Tòa án.

Tại phiên tòa, anh T vắng mặt, chị D cương quyết yêu cầu ly hôn với anh T.

Hội đồng xét xử công bố biên bản xác minh Công An xã Châu Phong, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang; Biên bản xác minh (ghi lời khai) của bà Nguyễn Thị L (mẹ ruột anh T); Biên bản ghi nhận ý kiến cháu Tổng Bảo T; Biên bản xác minh Hội Liên hiệp Phụ nữ xã Châu Phong, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang. Cụ thể:

- Qua xác minh Công an xã Châu Phong, thị xã Tân Châu cung cấp: Đương sự Tổng Quốc T, sinh năm 1983 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ 01, ấp Vĩnh Lợi 2, xã Châu Phong, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang; không có đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ 31, ấp Vĩnh Lợi 2, xã Châu Phong, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang như chị Nguyễn Thị Thùy D cung cấp. Hiện nay đương sự Tổng Quốc T vẫn còn đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ trên, chưa cắt chuyển hộ khẩu đi nơi khác sinh sống. Đương sự T không thường xuyên sinh sống tại địa phương, đi làm ăn tại Thành phố Hồ Chí Minh, không thuộc trường hợp bỏ địa phương đi.

- Qua xác minh (ghi lời khai) bà Nguyễn Thị L – mẹ ruột của anh Tổng Quốc T trình bày: T và D kết hôn do mai mối, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết

hôn tại UBND xã Châu Phong, thị xã Tân Châu. Cuộc sống của vợ chồng có hạnh phúc và có 01 con chung tên Tống Bảo T, sinh năm 2012; Hiện nay cháu T đang sống cùng D tại ấp Hòa Thạnh, xã Châu Phong. T và D không còn chung sống khoảng 03 năm nay. Mâu thuẫn giữa T và D phát sinh do T không chăm lo làm ăn, tham gia cờ bạc gây nhiều nợ nần, D và gia đình đã nhiều lần khuyên ngăn nhưng T không từ bỏ cờ bạc từ đó dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Gia đình hai bên đã nhiều lần động viên để T và D hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả. Hiện nay, T đang đi làm thuê với anh ruột tại thành phố Hồ Chí Minh, T cũng thường xuyên về thăm nhà vào các dịp Lễ, Tết hoặc nhà có đám tiệc. Bà L có nhận và có thông báo cho T về việc D xin ly hôn nhưng do T đi làm ăn xa nên không về giải quyết vụ án được.

- Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu tiến hành lập biên bản ghi nhận ý kiến cháu Tống Bảo T, sinh ngày 17/4/2012 có sự giám hộ của chị Nguyễn Thị Thùy D. Cháu Tống Bảo T trình bày ý kiến, hiện cháu T đang học lớp 3, trường tiểu học D Châu Phong, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang và đang sống chung với mẹ là chị Nguyễn Thị Thùy D, việc ăn học hàng ngày do mẹ cháu (chị D) lo và có nguyện vọng sống chung với mẹ (chị D) khi chị D và anh T ly hôn.

- Qua xác minh Chi Hội Liên hiệp Phụ nữ xã Châu Phong, thị xã Tân Châu cho biết: Chị Nguyễn Thị Thùy D và anh Tống Quốc T là vợ chồng có đăng ký kết hôn và tổ chức lễ cưới vào năm 2011 (theo giấy chứng nhận kết hôn số 110/2011). Sau khi kết hôn thì chị D và anh T sinh sống tại địa phương một thời gian. Chị D và anh T thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T không chăm lo làm ăn, tham gia cờ bạc, không quan tâm chăm sóc đến vợ con. Giữa anh T và chị D có 01 con chung tên Tống Bảo T, sinh ngày 17/04/2012, hiện cháu T đang sống với chị D. Chị D có đủ điều kiện nuôi con và chăm sóc con chung.

- Phát biểu của Kiểm sát viên:

+ Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án thực hiện đúng quy định tại các Điều 195, Điều 196 và Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 về xét xử sơ thẩm vụ án.

+ Việc tuân theo pháp luật của đương sự: Bị đơn vắng mặt, nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, Điều 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

+ Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ hồ sơ vụ án, tài liệu chứng cứ, kết quả tranh luận tại phiên tòa: Chị D và anh T thông qua mai mối, được cha mẹ hai bên đồng ý tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn số 110/2011 ngày 25/5/2011. Vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 9/2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống,

anh T cò bạc, nợ nần nhiều, vợ chồng không còn chung sống khoảng hơn hai năm nay. Gia đình hai bên có đứng ra hàn gắn nhưng không thành. Nay tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị D yêu cầu được ly hôn với anh T là có căn cứ.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, chị D và anh T có 01 (một) con chung tên Tống Bảo T, sinh ngày 17/4/2012. Hiện cháu T đang sống cùng chị D. Khi ly hôn, chị D yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu T và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Chấp nhận.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập đến.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 2 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thùy D được ly hôn anh Tống Quốc T.

Về nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị Thùy D được nuôi dạy cháu Tống Bảo T, sinh ngày 17/4/2012. Anh Tống Quốc T không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị D không yêu cầu.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thùy D phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

**Về tố tụng:*

[1] Về thẩm quyền: Chị Nguyễn Thị Thùy D khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Tống Quốc T. Anh T có nơi cư trú: Tổ 01, ấp Vĩnh Lợi 2, xã Châu Phong, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang. Xét, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn anh Tống Quốc T được tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng của Tòa án nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

** Về nội dung:*

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Chị D và anh T thông qua mai mối, được cha mẹ hai bên đồng ý tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Châu Phong, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang, theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 110/2011, quyền số 01/2011 ngày 25/5/2011. Hôn nhân giữa chị D và anh T là hợp pháp, phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng.

Chị D khai, sau khi kết hôn, chị D và anh T chung sống hạnh phúc. Đến khoảng tháng 9/2018 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, anh T cờ bạc, nợ nần nhiều, vợ chồng đã không còn chung sống khoảng hơn hai năm nay. Gia đình hai bên có đứng ra hàn gắn nhưng không thành. Nay tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị D yêu cầu được ly hôn với anh T.

Vợ chồng có nghĩa vụ chung thủy, thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, hạnh phúc. Tòa án đã tổ chức hòa giải nhiều lần để tạo điều kiện cho chị D và anh T hàn gắn tình cảm gia đình nhưng anh T vắng mặt và không có ý kiến bằng văn bản gửi cho Tòa án. Từ đó, cho thấy anh T chưa thật sự hàn gắn tình cảm với chị D.

Tình trạng vợ chồng của chị D và anh T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nếu tiếp tục duy trì hôn nhân thì khó xây dựng được gia đình hòa thuận, hạnh phúc và bền vững. Xét, cho chị D ly hôn với anh T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Về nuôi con chung: Chị D và anh T có 01 (một) con chung tên Tống Bảo T, sinh ngày 17/4/2012.

Chị D yêu cầu được tiếp tục nuôi dạy cháu Tống Bảo T, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Biên bản lời khai cháu Tống Bảo T có nguyện vọng được sống với mẹ là chị Nguyễn Thị Thùy D vì có cuộc sống đầy đủ và được đi học.

Biên bản xác minh (ghi lời khai) bà Nguyễn Thị L – mẹ ruột của Tống Quốc T: Cuộc sống của vợ chồng T có 01 con chung tên Tống Bảo T, sinh năm 2012; Hiện nay cháu T đang sống cùng D tại ấp Hòa Thạnh, xã Châu Phong và chăm sóc tốt, đi học đúng độ tuổi.

Biên bản xác minh tại Chi Hội Liên hiệp Phụ nữ xã Châu Phong, thị xã Tân Châu: Giữa anh T và chị D có 01 con chung tên Tống Bảo T, sinh ngày 17/04/2012, hiện cháu T đang sống với chị D. Chị D có đủ điều kiện nuôi con và chăm sóc con chung.

Xét, chị D yêu cầu được nuôi dạy con chung tên Tống Bảo T, sinh ngày 17/4/2012, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, xét chấp nhận.

Chị Nguyễn Thị Thùy D cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở anh Tổng Quốc T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị D khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập đến, nếu sau này giữa chị D và anh T có phát sinh tranh chấp về tài sản chung, nợ chung thì được giải quyết bằng vụ án khác.

[4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Thùy D phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ tạm ứng án phí.

Anh Tổng Quốc T không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

[5] Qua phát biểu ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật về quan điểm giải quyết vụ án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Điều 2, Điều 6, Điều 7, Điều 9 và Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thùy D.

Chị Nguyễn Thị Thùy D được ly hôn với anh Tổng Quốc T.

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 110/2011, quyển số 01/2011, ngày 25/5/2011 do Ủy ban nhân dân xã Châu Phong, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang cấp cho chị Nguyễn Thị Thùy D và anh Tổng Quốc T không còn giá trị pháp lý.

Về nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị Thùy D được tiếp tục nuôi dạy con chung tên Tổng Bảo T, sinh ngày 17/4/2012 cho đến khi con thành niên và có khả năng lao động được. Anh Tổng Quốc T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Nguyễn Thị Thùy D cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở anh Tổng Quốc T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

Về án phí hôn nhân sơ thẩm:

Chị Nguyễn Thị Thùy D phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số TU/2019/0006530 ngày 14 tháng 12 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang; Chị Nguyễn Thị Thùy D đã nộp đủ án phí.

Anh Tống Quốc T không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Thời hạn kháng cáo của chị D là 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Riêng thời hạn kháng cáo của anh T là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TX. Tân Châu (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- CC.THADS TX. Tân Châu (1);
- UBND xã Châu Phong, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1),
- Lưu văn phòng (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Hữu Dấm